

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 05-02-2021

*“V/v Xin ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hoàng Văn Bình**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**

Bà **Trần Thị Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc *“Xin ly hôn”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*(Bà T, ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:* Bà và ông Trần Ngọc T về sống chung với nhau, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng bà sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Kể từ năm 2004 trở đi thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng

không có tiếng nói chung, bất đồng về tính cách; hai vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không được và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Từ khi ly thân đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Ông T hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 02 thuộc Trại giam Đại Bình; nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Trần Ngọc T có 01 con chung tên là Trần Ngọc Bảo Duy - sinh ngày 10-12-1999. Hiện nay cháu Trần Ngọc Bảo Duy đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp được giải quyết bằng vụ việc khác theo thủ tục chung.

Về nợ chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trần Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai của ông Trần Ngọc T trình bày:* Ông và bà Đỗ Thị T kết hôn với nhau vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, dựa trên cơ sở tìm hiểu nhau. Kể từ năm 2004 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng và hai người đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2005 đến nay. Hiện nay ông đang chấp hành án tại phân trại số 02 Trại giam Đại Bình. Nay bà Đỗ Thị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng xác định trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là Trần Ngọc Bảo Duy - sinh ngày 10-12-1999. Hiện nay cháu Trần Ngọc Bảo Duy đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp được giải quyết bằng vụ việc khác theo thủ tục chung.

Về nợ chung: Ông Trần Ngọc T và bà Đỗ Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng không được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của bà Đỗ Thị T cho bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc T. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn bà T, bị đơn ông Thạch vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc T. Ông Trần Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Thôn T, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Xét yêu cầu của các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị T và Trần Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc. Kể từ năm 2004 trở đi thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về tính cách; hai vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không được và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Từ khi ly thân đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, nay bà Đỗ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn.

Ông Trần Ngọc T hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 02 thuộc Trại giam Đại Bình, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác thu thập chứng cứ và tại bản tự khai của ông T cũng thừa nhận nội dung bà Đỗ Thị T trình bày như trên là đúng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Đỗ Thị T và ông Trần Ngọc T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị T và ông Trần Ngọc T là có căn cứ.

[3] *Về con chung:* Bà Đỗ Thị T và ông Trần Ngọc T có 01 con chung tên là Trần Ngọc Bảo Duy - sinh ngày 10-12-1999. Hiện nay cháu Trần Ngọc Bảo Duy đã trưởng thành và phát triển bình thường và có cuộc sống riêng. Theo quy định của pháp luật, bố mẹ không phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con đã thành niên lao động tự túc được. Do vậy, bà T và ông T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp:* Bà Đỗ Thị T và ông Trần Ngọc T không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Các vấn đề khác bà Đỗ Thị T và ông Trần Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Buộc bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Đỗ Thị T được ly hôn ông Trần Ngọc T.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0014926 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA;
- Tòa GD&NCTN;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS h. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã Ký)**  
**Hoàng Văn Bình**